

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3****Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

1 - A3

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
1	Hồ Văn Chí Cường	23/12/91	CD CK 09A	5.0	F5,11	10:10
2	Nguyễn Văn Dương	20/10/91	CD CK 09A	3.5	F5,11	10:10
3	Lê Thành Duy	26/08/91	CD CK 09A	2.5	F5,11	10:10
4	Lê Trạc Lực	16/06/90	CD CK 09A	5.0	F5,11	10:10
5	Nguyễn Ngọc Thắng	12/02/90	CD CK 09A	3.3	F5,11	10:10
6	Lê Minh Thành	21/04/91	CD CK 09A	3.3	F5,11	10:10
7	Nguyễn Trọng Thành	06/02/88	CD CK 09A	4.3	F5,11	10:10
8	Đỗ Thành Thiên	10/07/91	CD CK 09A	5.7	F5,11	10:10
9	Nguyễn Trường	04/10/90	CD CK 09A	4.0	F5,11	10:10
10	Nguyễn Công Danh	20/03/91	CD CK 09B	3.2	F5,11	10:10
11	Vũ Huy Tiến	09/10/91	CD CK 09B	1.8	F5,11	10:10
12	Cao Văn Hùng	28/10/90	CD CK 09C	2.2	F5,11	10:10
13	Nguyễn Trần Khánh	13/04/91	CD CK 09C	2.3	F5,11	10:10
14	Vũ Trung Thông	26/12/90	CD CK 09C	3.7	F5,11	10:10
15	Thạch Hone	16/06/92	CD CK 10A	5.0	F5,11	10:10
16	Huỳnh Mẫn Huy	20/07/92	CD CK 10A	2.6	F5,11	10:10
17	Bùi Văn Long An	05/10/92	CD CK 10B	3.9	F5,11	10:10
18	Mai Trường An	29/05/91	CD CK 10B	5.0	F5,11	10:10
19	Nguyễn Trường An	15/10/92	CD CK 10B	5.2	F5,11	10:10
20	Hà Văn Ân	30/07/92	CD CK 10B	2.6	F5,11	10:10
21	Nguyễn Văn Chí	01/09/92	CD CK 10B	3.3	F5,11	10:10
22	Trần Anh Chương	29/07/92	CD CK 10B	4.1	F5,11	10:10
23	Nguyễn Văn Đại	21/03/92	CD CK 10B	3.9	F5,11	10:10
24	Huỳnh Văn Đoàn	20/03/92	CD CK 10B	3.2	F5,11	10:10
25	Phạm Thanh Phong	23/10/92	CD CK 10B	5.0	F5,11	10:10
26	Huỳnh Công Phước	20/02/92	CD CK 10B	3.3	F5,11	10:10
27	Nguyễn Đức Phước	24/02/92	CD CK 10B	2.3	F5,11	10:10
28	Lương Bảo Quốc	18/05/92	CD CK 10B	3.8	F5,11	10:10
29	Võ Văn Quyền	04/10/92	CD CK 10B	3.3	F5,11	10:10
30	Nguyễn Chí Tài	11/10/92	CD CK 10B	4.1	F5,11	10:10
31	Đỗ Minh Tấn	12/02/92	CD CK 10B	3.2	F5,11	10:10
32	Nguyễn Minh Thế	04/05/92	CD CK 10B	3.8	F5,11	10:10
33	Nguyễn Lê Thanh Trung	07/06/92	CD CK 10B	2.7	F5,11	10:10
34	Trần Văn Tuấn	17/03/91	CD CK 10B	3.0	F5,11	10:10
35	Nguyễn Hoài Vinh	16/12/92	CD CK 10B	5.5	F5,11	10:10
36	Lê Việt Cường	06/06/91	CD CK 10C	3.0	F5,11	10:10
37	Huỳnh Hữu Đại	21/12/91	CD CK 10C	3.9	F5,11	10:10
38	Nguyễn Minh Đông	04/07/92	CD CK 10C	3.8	F5,11	10:10
39	Đỗ Doãn Dũng	27/07/92	CD CK 10C	3.6	F5,11	10:10
40	Trần Cao Dũng	30/03/91	CD CK 10C	6.1	F5,11	10:10
41	Nguyễn Thành Long	18/11/92	CD CK 10C	3.5	F5,11	10:10
42	Nguyễn Thành Nam	01/04/92	CD CK 10C	6.1	F5,12	10:10
43	Đặng Văn Pháp	19/06/91	CD CK 10C	5.0	F5,12	10:10
44	Nguyễn Tấn Phát	05/04/92	CD CK 10C	2.9	F5,12	10:10
45	Đào Vương Quốc	09/02/92	CD CK 10C	2.4	F5,12	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3**

**Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

2 - A3

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
46	Trần Anh	Tâm	11/08/90	CD CK 10C	1.8	F5,12	10:10
47	Trần Thanh	Tú	16/08/92	CD CK 10C	3.7	F5,12	10:10
48	Võ Văn	Tùng	25/02/92	CD CK 10C	3.1	F5,12	10:10
49	Nguyễn Tấn	Viên	14/12/91	CD CK 10C	3.2	F5,12	10:10
50	Nguyễn Tấn	Vũ	07/07/92	CD CK 10C	4.3	F5,12	10:10
51	Nguyễn Thanh	Bình	20/05/89	CD CK LT 11	3.8	F5,12	10:10
52	Nguyễn Trung	Chánh	27/08/89	CD CK LT 11	2.6	F5,12	10:10
53	Nguyễn Tiến	Đông	04/09/89	CD CK LT 11	2.1	F5,12	10:10
54	Tạ Văn	Hiển	26/05/89	CD CK LT 11	4.1	F5,12	10:10
55	Võ Sơn	Tú	29/03/89	CD CK LT 11	2.4	F5,12	10:10
56	Phạm Cao	Cường	16/06/91	CD DCN 09A	2.5	F5,12	10:10
57	Hồ Văn	Giáp	05/09/90	CD DCN 09A	2.1	F5,12	10:10
58	Lê Hiếu	Liêm	02/07/91	CD DCN 09A	2.6	F6,14	10:10
59	Nguyễn Hoài	Nam	21/08/91	CD DCN 09A	5.1	F5,12	10:10
60	Lê Anh	Nguyễn	04/04/91	CD DCN 09A	2.5	F5,12	10:10
61	Phạm Ngọc	Phú	10/04/90	CD DCN 09A	2.1	F5,12	10:10
62	Lưu Chí	Phước	1990	CD DCN 09A	2.7	F6,14	10:10
63	Trần Minh	Thiện	24/02/91	CD DCN 09A	4.2	F5,12	10:10
64	Nguyễn Trọng	Tín	21/07/91	CD DCN 09A	6.4	F5,12	10:10
65	Nguyễn Vũ	Duy	01/01/91	CD DCN 09B	3.6	F5,12	10:10
66	Cao Việt	Hùng	16/07/90	CD DCN 10B	0.3	F5,12	10:10
67	Phạm Phi	Long	20/10/91	CD DCN 10B	3.9	F5,12	10:10
68	Huỳnh Văn	Minh	19/07/90	CD DCN 10B	5.2	F5,12	10:10
69	Phạm Tấn	Tài	29/12/92	CD DCN 10B	4.4	F5,12	10:10
70	Trần Quốc	An	12/04/92	CD DCN 10C	4.3	F5,12	10:10
71	Trần Thanh Giang	Hùng	01/10/91	CD DCN 10C	3.2	F5,12	10:10
72	Ngô	Lâu	10/04/91	CD DCN 10C	3.6	F5,12	10:10
73	Nguyễn Thành	Lợi	00/00/92	CD DCN 10C	3.4	F5,12	10:10
74	Nguyễn Đăng	Quang	08/08/92	CD DCN 10C	7.0	F5,12	10:10
75	Nguyễn Quốc	Quang	01/01/92	CD DCN 10C	3.1	F5,12	10:10
76	Lâm Nhật	Thành	13/09/90	CD DCN 10C	3.7	F5,12	10:10
77	Nguyễn Thanh	Thế	20/09/92	CD DCN 10C	3.9	F5,12	10:10
78	Trần Phong	Xuân	25/10/92	CD DCN 10C	4.2	F5,12	10:10
79	Phạm Châu Đức	Bảo	05/10/1987	CD DCN LT 11	6.9	F5,12	10:10
80	Nguyễn Khắc	Hiếu	29/10/1987	CD DCN LT 11	4.3	F5,12	10:10
81	Trần Thanh	Hoàng	23/11/1990	CD DCN LT 11	3.2	F5,12	10:10
82	Lê Ngọc	Phú	12/03/1986	CD DCN LT 11	5.9	F5,12	10:10
83	Đặng Hải	Thiêm	16/07/1986	CD DCN LT 11	2.4	F5,12	10:10
84	Lại Quang	Trung	02/12/1988	CD DCN LT 11	2.6	F5,13	10:10
85	Nguyễn Thanh	Tùng	10/02/1990	CD DCN LT 11	6.0	F5,13	10:10
86	Nguyễn Đặng Anh	Khoa	22/12/93	CD DDT 11D	5.9	F5,13	10:10
87	Nguyễn Ngọc	Trung	18/02/93	CD DDT 11D	4.4	F5,13	10:10
88	Phan Huy	Bình	02/09/93	CD DDT 11E	1.1	F5,13	10:10
89	Ngô Thái	Hoà	20/03/93	CD DDT 11E	2.8	F5,13	10:10
90	Lê Quốc	Hòa	07/10/93	CD DDT 11E	2.0	F5,13	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3**

**Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

3 - A3

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
91	Phạm Thành	Nhân	22/08/93	CD DDT 11E	5.0	F5,13	10:10
92	Võ Tấn	Phát	27/01/93	CD DDT 11E	3.4	F5,13	10:10
93	Huỳnh Thanh	Sang	21/12/93	CD DDT 11E	6.5	F5,13	10:10
94	Trần Văn	Sơn	10/12/92	CD DDT 11E	2.0	F5,13	10:10
95	Nguyễn Minh	Đức	02/11/91	CD DT 09B	3.3	F5,13	10:10
96	Sam Ngọc	Huy	10/02/91	CD DT 09B	2.3	F5,13	10:10
97	Nguyễn Đức	Long	16/04/91	CD DT 09B	3.4	F5,13	10:10
98	Nguyễn Minh	Khang	04/12/92	CD DT 10A	3.0	F5,13	10:10
99	Nguyễn Văn	Lắm	1991	CD DT 10A	5.0	F5,13	10:10
100	Nguyễn Hoàng	Linh	16/06/92	CD DT 10A	7.1	F5,13	10:10
101	Lê Hoàng	Ngân	19/04/89	CD DT LT 11	4.2	F5,13	10:10
102	Trần Khương	Oai	28/05/93	CD DTTT 11A	5.0	F5,13	10:10
103	P Rùm Thanh	Sơn	28/01/93	CD DTTT 11A	6.8	F5,13	10:10
104	Lê Phước	Việt	28/04/93	CD DTTT 11A	5.0	F5,13	10:10
105	Lê Thanh	Xuân	11/04/93	CD DTTT 11A	2.3	F5,13	10:10
106	Trần Thanh	Bình	04/08/93	CD DTTT 11B	4.5	F5,13	10:10
107	Dương Đức	Dũng	08/01/93	CD DTTT 11B	5.0	F5,13	10:10
108	Hà Duyên	Hải	13/04/93	CD DTTT 11B	3.0	F5,13	10:10
109	Nguyễn Thanh	Liêm	07/09/93	CD DTTT 11B	3.8	F5,13	10:10
110	Lê Thị Kim	Ngân	11/11/93	CD DTTT 11B	4.3	F5,13	10:10
111	Hoàng Mạnh	Nghĩa	20/02/93	CD DTTT 11B	5.0	F5,13	10:10
112	Trần Hoàng	Phúc	11/08/93	CD DTTT 11B	5.0	F5,13	10:10
113	Phan Hoài	Phương	25/03/93	CD DTTT 11B	5.6	F5,13	10:10
114	Vũ Văn	Thản	15/07/93	CD DTTT 11B	3.9	F5,13	10:10
115	Ngô Nguyễn Quang	Thoại	20/09/93	CD DTTT 11B	4.1	F5,13	10:10
116	Chu Thanh	Tuyền	25/09/92	CD DTTT 11B	3.7	F5,13	10:10
117	Huỳnh Văn Tấn	Phát	12/02/90	CD DTVT 08C	5.4	F5,13	10:10
118	Lê Văn	Phụng	01/10/90	CD DTVT 08C	3.2	F5,13	10:10
119	Nguyễn Phụng Mây	Ngân	10/09/91	CD DTVT 09B	3.8	F5,13	10:10
120	Hồ Châu	Toàn	29/08/91	CD DTVT 09C	3.6	F5,13	10:10
121	Lại Quang	Vinh	10/07/90	CD DTVT 09C	4.5	F5,13	10:10
122	Trần Trọng	Hiếu	15/03/92	CD DTVT 10A	3.8	F5,13	10:10
123	Huỳnh Quang	Huy	10/10/92	CD DTVT 10A	3.5	F5,13	10:10
124	Nguyễn Hoàng	Lương	13/08/92	CD DTVT 10A	2.7	F5,13	10:10
125	Hoàng Xuân	Phúc	02/10/92	CD DTVT 10A	3.5	F5,14	10:10
126	Huỳnh Hồng	Phúc	06/09/92	CD DTVT 10A	2.7	F5,14	10:10
127	Phan Chí	Thông	25/01/91	CD DTVT 10A	3.9	F5,14	10:10
128	Lê Minh	Trung	07/09/92	CD DTVT 10A	2.7	F5,14	10:10
129	Dương Việt	Anh	25/01/91	CD DTVT 10B	2.7	F5,14	10:10
130	Phan Trung	Chánh	26/10/92	CD DTVT 10B	2.7	F5,14	10:10
131	Trần	Đại	04/08/91	CD DTVT 10B	4.5	F5,14	10:10
132	Dương Thành	Danh	11/09/92	CD DTVT 10B	5.0	F5,14	10:10
133	Nguyễn Thành	Đạt	08/02/92	CD DTVT 10B	3.3	F5,14	10:10
134	Phạm Hùng	Khanh	18/11/90	CD DTVT 10B	3.2	F5,14	10:10
135	Trần	Sơn	13/04/92	CD DTVT 10B	3.5	F5,14	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3**

**Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

4 - A3

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
136	Lê Duy Thanh	08/01/92	CD DTVT 10B	4.5	F5,14	10:10
137	Nguyễn Huy Thanh	11/06/92	CD DTVT 10B	4.4	F5,14	10:10
138	Nguyễn Ngọc Trí	06/07/92	CD DTVT 10B	3.9	F5,14	10:10
139	Bùi Thanh Tùng	26/04/92	CD DTVT 10B	3.5	F5,14	10:10
140	Trần Tuấn Vũ	22/02/92	CD DTVT 10B	4.4	F5,14	10:10
141	Nguyễn Phát Tài	15/12/92	CD DTVT 10C	7.1	F5,14	10:10
142	Nguyễn Hoàng Khánh Trình	05/10/92	CD DTVT 10C	4.2	F5,14	10:10
143	Phan Thị Tuyền	20/08/91	CD KT 09B	4.1	F5,14	10:10
144	Hứa Bích Mỹ	16/02/93	CD KT 11B	6.5	F5,14	10:10
145	Huỳnh Thị Cẩm Như	18/01/93	CD KT 11B	4.3	F5,14	10:10
146	Trần Hứa Công Thành	13/09/93	CD KT 11B	3.9	F5,14	10:10
147	Huỳnh Kim Thoa	09/05/93	CD KT 11B	3.7	F5,14	10:10
148	Hà Thị Minh Thư	1993	CD KT 11B	4.0	F5,14	10:10
149	Nguyễn Thùy Ngọc Trâm	26/12/93	CD KT 11B	3.4	F5,14	10:10
150	Trần Minh Hiếu	23/03/91	CD NL 09	2.0	F5,14	10:10
151	Lê Minh Nhật	13/08/89	CD NL 09	2.3	F5,14	10:10
152	Lý Minh Phát	24/01/90	CD NL 09	2.3	F5,14	10:10
153	Nguyễn Bùi Thanh Tâm	15/11/91	CD NL 09	3.7	F5,14	10:10
154	Trần Nhật Tân	15/02/91	CD NL 09	3.3	F5,14	10:10
155	Trần Tuấn Anh	09/02/92	CD NL 10	5.4	F5,14	10:10
156	Lê Tuấn Cường	24/02/92	CD NL 10	3.0	F5,14	10:10
157	Kha Khung Dương	05/10/91	CD NL 10	2.6	F5,14	10:10
158	Tô Khánh Duy	28/02/91	CD NL 10	3.1	F5,14	10:10
159	Nguyễn Văn Toàn Em	04/07/92	CD NL 10	4.2	F5,14	10:10
160	Trần Ngọc Sơn Hà	17/01/92	CD NL 10	3.8	F5,14	10:10
161	Nguyễn Văn Hiếu	20/08/92	CD NL 10	4.3	F5,14	10:10
162	Phạm Văn Bé Khanh	20/08/91	CD NL 10	5.5	F5,14	10:10
163	Lê Văn Ba Lê	12/03/89	CD NL 10	3.2	F5,14	10:10
164	Nguyễn Thành Lộc	31/01/92	CD NL 10	3.9	F5,14	10:10
165	Phan Hữu Lợi	18/11/91	CD NL 10	4.3	F5,14	10:10
166	Nguyễn Thái Nguyên	13/01/92	CD NL 10	5.0	F5,14	10:10
167	Nguyễn Ngọc Nhân	18/08/92	CD NL 10	4.2	F5,14	10:10
168	Phạm Đức Thái	29/07/90	CD NL 10	4.5	F5,14	10:10
169	Lê Hoàng Thân	16/02/92	CD NL 10	3.7	F6,11	10:10
170	Hồ Sơn Tùng	23/09/92	CD NL 10	3.9	F6,11	10:10
171	Lê Trường An	22/08/93	CD NL 11	2.3	F6,11	10:10
172	Huỳnh Bá Hộ	15/10/93	CD NL 11	2.9	F6,11	10:10
173	Hồ Đỗ Mạc Thế Nhân	10/10/90	CD OTO 08A	3.6	F6,11	10:10
174	Hoàng Phú Quý	28/10/90	CD OTO 08A	3.3	F6,11	10:10
175	Lê Anh Khoa	27/10/90	CD OTO 08B	2.0	F6,11	10:10
176	Chu Đại Dương	23/01/90	CD OTO 09A	3.4	F6,11	10:10
177	Nguyễn Quang Duy	27/05/91	CD OTO 09A	3.3	F6,11	10:10
178	Nguyễn Hoàng Minh	25/07/90	CD OTO 09A	5.9	F6,11	10:10
179	Nguyễn Thanh Tâm	10/10/91	CD OTO 09A	2.0	F6,11	10:10
180	Trần Xuân Phú	15/02/91	CD OTO 09B	2.8	F6,11	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3**

**Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

5 - A3

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
181	Huỳnh Thanh	Dân	09/05/92	CD OTO 10A	3.2	F6,11	10:10
182	Trần Phú	Định	30/04/92	CD OTO 10A	4.4	F6,11	10:10
183	Hồ Thị Mỹ	Dung	19/04/92	CD OTO 10A	3.0	F6,11	10:10
184	Bùi Minh	Dũng	26/09/92	CD OTO 10A	4.3	F6,11	10:10
185	Nguyễn Tiên	Dũng	22/08/90	CD OTO 10A	4.3	F6,11	10:10
186	Trần Minh	Dương	15/02/92	CD OTO 10A	5.5	F6,11	10:10
187	Đỗ Thái	Học	28/03/92	CD OTO 10A	4.2	F6,11	10:10
188	Trần Thanh	Hùng	10/01/92	CD OTO 10A	3.6	F6,11	10:10
189	Lê Thanh	Liên	28/02/90	CD OTO 10A	6.2	F6,11	10:10
190	Nguyễn Thanh	Liên	20/07/92	CD OTO 10A	2.9	F6,11	10:10
191	Dương Tấn	Lộc	07/02/92	CD OTO 10A	3.9	F6,11	10:10
192	Nguyễn Xuân	Lộc	07/09/90	CD OTO 10A	4.3	F6,11	10:10
193	Trần Việt	Nam	30/07/92	CD OTO 10A	4.3	F6,11	10:10
194	Tường Duy	Nam	29/12/92	CD OTO 10A	5.6	F6,11	10:10
195	Vũ Đức	Nam	05/06/92	CD OTO 10A	5.0	F6,11	10:10
196	Trần Đức	Ngân	02/12/91	CD OTO 10A	3.6	F6,11	10:10
197	Lê Hoài	Nhân	01/10/92	CD OTO 10A	3.2	F6,11	10:10
198	Lê Minh	Quân	14/11/92	CD OTO 10A	3.9	F6,11	10:10
199	Nguyễn Thái	Sơn	15/01/92	CD OTO 10A	4.0	F6,11	10:10
200	Phan Hữu	Tâm	02/03/91	CD OTO 10A	5.0	F6,11	10:10
201	Đoàn Minh	Trung	02/11/92	CD OTO 10A	4.3	F6,11	10:10
202	Nguyễn Đức	Trung	09/02/92	CD OTO 10A	4.1	F6,11	10:10
203	Trần Văn	Tuấn	02/03/92	CD OTO 10A	2.6	F6,11	10:10
204	Hoàng Văn	Tuyển	09/10/91	CD OTO 10A	2.4	F6,11	10:10
205	Nguyễn Xuân	Tuyển	10/06/92	CD OTO 10A	3.1	F6,12	10:10
206	Tạ Quang	Chiến	09/11/92	CD OTO 10B	5.0	F6,12	10:10
207	Chung Trọng	Dân	23/09/92	CD OTO 10B	3.1	F6,12	10:10
208	Hà Duy	Danh	24/07/92	CD OTO 10B	4.3	F6,12	10:10
209	Bùi Tấn	Đạt	27/12/92	CD OTO 10B	4.4	F6,12	10:10
210	Trần Thành	Đô	13/07/92	CD OTO 10B	3.2	F6,12	10:10
211	Phạm Hồng	Dư	06/12/91	CD OTO 10B	1.3	F6,12	10:10
212	Lê Văn	Dương	19/10/92	CD OTO 10B	5.7	F6,12	10:10
213	Hoàng Trung	Hiếu	16/05/92	CD OTO 10B	3.9	F6,12	10:10
214	Nguyễn Minh	Linh	16/05/91	CD OTO 10B	4.3	F6,12	10:10
215	Nguyễn Hoàng	Lưu	16/06/92	CD OTO 10B	6.9	F6,12	10:10
216	Vũ Việt	Minh	20/09/91	CD OTO 10B	2.4	F6,12	10:10
217	Nguyễn Bảo	Nam	23/09/92	CD OTO 10B	3.3	F6,12	10:10
218	Đặng Bá	Quân	10/11/91	CD OTO 10B	3.5	F6,12	10:10
219	Nguyễn Duy	Tâm	14/08/86	CD OTO 10B	4.4	F6,12	10:10
220	Lê Minh	Tiến	24/10/92	CD OTO 10B	4.4	F6,12	10:10
221	Đặng Phước	Văn	14/07/90	CD OTO 10B	3.0	F6,12	10:10
222	Lê Hoàng	Việt	31/05/92	CD OTO 10B	1.4	F6,12	10:10
223	Phạm Đình	Quân	27/08/92	CD OTO 11B	5.0	F6,12	10:10
224	Đào Minh	Dương	10/08/93	CD OTO 11C	1.8	F6,12	10:10
225	Nguyễn Thanh	Sơn	06/07/93	CD OTO 11C	3.8	F6,12	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3**

**Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

6 - A3

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
226	Nguyễn Minh	Khánh	27/12/91	CD OTO 11D	2.7	F6,12	10:10
227	Đặng Thái	Bình	08/01/90	CD OTO LT 11	3.5	F6,12	10:10
228	Trần Văn	Chính	12/10/81	CD OTO LT 11	4.3	F6,12	10:10
229	Vũ Ngọc	Hiếu	18/03/90	CD OTO LT 11	4.5	F6,12	10:10
230	Nguyễn Hoàng	Tính	24/03/90	CD TD 08	4.3	F6,12	10:10
231	Nguyễn Lê Thành	An	09/09/91	CD TD 09	2.0	F6,12	10:10
232	Nguyễn Thành	Đạt	02/05/91	CD TD 09	2.3	F6,12	10:10
233	Đỗ Đức	Diện	04/11/91	CD TD 09	1.4	F6,12	10:10
234	Nguyễn Hoàng	Thế	17/01/91	CD TD 09	3.8	F6,12	10:10
235	Huỳnh Khánh	An	01/06/92	CD TD 10	3.9	F6,12	10:10
236	Lê Đức	Anh	02/02/92	CD TD 10	5.1	F6,12	10:10
237	Nguyễn Công	Chính	10/05/91	CD TD 10	5.0	F6,13	10:10
238	Đặng Tiến	Đạt	04/04/92	CD TD 10	3.0	F6,13	10:10
239	Nguyễn Văn	Đông	04/05/92	CD TD 10	5.0	F6,13	10:10
240	Nguyễn Văn Phước	Em	10/09/91	CD TD 10	1.8	F6,13	10:10
241	Trương Hữu	Hoàn	18/03/92	CD TD 10	2.5	F6,13	10:10
242	Phạm Quang	Khải	20/10/92	CD TD 10	3.3	F6,13	10:10
243	Huỳnh Tấn	Lực	01/10/91	CD TD 10	2.7	F6,13	10:10
244	Nguyễn Văn	Nam	12/10/92	CD TD 10	3.9	F6,13	10:10
245	Võ Tường	Quân	28/01/92	CD TD 10	3.0	F6,13	10:10
246	Phan Đình	Quyền	28/06/89	CD TD 10	5.0	F6,13	10:10
247	Phan Văn	Sang	10/09/92	CD TD 10	3.6	F6,13	10:10
248	Nguyễn Hoàng	Sơn	12/01/92	CD TD 10	4.0	F6,13	10:10
249	Lê Thành	Thắng	21/10/92	CD TD 10	3.9	F6,13	10:10
250	Lê Phúc	Thiện	20/05/92	CD TD 10	3.9	F6,13	10:10
251	Lê Hồng	Thịnh	01/01/92	CD TD 10	3.8	F6,13	10:10
252	Ngô Văn	Thuận	11/01/92	CD TD 10	4.5	F6,13	10:10
253	Châu Minh	Toàn	10/01/92	CD TD 10	3.3	F6,13	10:10
254	Lê Chí	Trung	23/05/92	CD TD 10	1.5	F6,13	10:10
255	Đặng Thành	Vũ	02/01/92	CD TD 10	2.7	F6,13	10:10
256	Lương Vũ	Hoàng	04/01/93	CD TD 11A	5.0	F6,13	10:10
257	Vũ Đình	Vũ	02/12/92	CD TD 11A	3.1	F6,13	10:10
258	Dương Danh Hoàng	Anh	01/05/89	CD TH 09A	3.0	F6,13	10:10
259	Ngô Văn	Toàn	09/05/90	CD TH 09A	3.7	F6,13	10:10
260	Nguyễn Minh	Đức	12/02/90	CD TH 09B	5.0	F6,13	10:10
261	Phạm Minh	Thơ	04/03/89	CD TH 09B	3.5	F6,13	10:10
262	Phạm Tuấn	Anh	19/02/92	CD TH 10A	3.8	F6,13	10:10
263	Đậu Xuân	Bắc	29/06/92	CD TH 10A	2.9	F6,13	10:10
264	Mai Đức	Ngọc	29/11/92	CD TH 10A	4.3	F6,13	10:10
265	Nguyễn Phạm Nhật	Lam	13/07/93	CD TH 11B	5.5	F6,13	10:10
266	Nguyễn Đăng Minh	Tiến	25/03/93	CD TH 11B	7.0	F6,13	10:10
267	Trần Đình	Huy	24/07/93	CD TH 11C	5.0	F6,13	10:10
268	Nguyễn Phú	Khánh	24/09/93	CD TH 11C	3.7	F6,13	10:10
269	Trương Hoàng	Sang	26/12/93	CD TH 11C	4.5	F6,13	10:10
270	Đỗ Việt	Trung	04/11/93	CD TH 11C	3.3	F6,13	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3**

**Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

7 - A3

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
271	Lư Cự Tuấn	05/11/93	CD TH 11C	4.2	F6,13	10:10
272	Cao Trần Thế Vinh	01/01/93	CD TH 11C	3.9	F6,13	10:10
273	Bùi Lê Văn	24/08/89	CD TH LT 11	3.9	F6,13	10:10
274	Nguyễn Quang Ánh	25/06/92	CDN CGKL 10	7.2	F6,13	10:10
275	Hoàng Quốc Bằng	10/06/91	CDN CGKL 10	2.8	F6,13	10:10
276	Nguyễn Vũ Thiên Chương	20/09/88	CDN CGKL 10	3.0	F6,13	10:10
277	Trần Bình Đăng	04/09/92	CDN CGKL 10	3.0	F6,13	10:10
278	Huỳnh Tấn Đạt	17/11/91	CDN CGKL 10	1.8	F6,13	10:10
279	Nguyễn Quang Đức	15/03/91	CDN CGKL 10	3.0	F6,14	10:10
280	Phạm Văn Dũng	05/01/90	CDN CGKL 10	3.1	F6,14	10:10
281	Hoàng Văn Dược	13/09/91	CDN CGKL 10	3.2	F6,14	10:10
282	Nguyễn Dương	31/10/91	CDN CGKL 10	3.1	F6,14	10:10
283	Nguyễn Ngọc Hiệp	07/10/90	CDN CGKL 10	3.8	F6,14	10:10
284	Viên Thế Huy	21/10/91	CDN CGKL 10	2.6	F6,14	10:10
285	Hoàng Trung Kiên	15/09/89	CDN CGKL 10	3.9	F6,14	10:10
286	Phạm Duy Long	03/11/92	CDN CGKL 10	5.0	F6,14	10:10
287	Ngô Quang Mạnh	27/01/91	CDN CGKL 10	2.4	F6,14	10:10
288	Lê Thanh Nghị	25/08/92	CDN CGKL 10	3.5	F6,14	10:10
289	Phạm Quang Quyền	02/12/90	CDN CGKL 10	5.0	F6,14	10:10
290	Trần Hùng Sơn	20/12/82	CDN CGKL 10	3.6	F6,14	10:10
291	Võ Công Sơn	07/07/92	CDN CGKL 10	3.8	F6,14	10:10
292	Khưu Châu Thanh	01/01/92	CDN CGKL 10	3.7	F6,14	10:10
293	Nguyễn Bá Thành	10/11/91	CDN CGKL 10	2.6	F6,14	10:10
294	Đặng Minh Trí	13/10/92	CDN CGKL 10	2.4	F6,14	10:10
295	Trần Trọng Trí	06/05/91	CDN CGKL 10	2.2	F6,14	10:10
296	Hoàng Thế Trung	24/09/91	CDN CGKL 10	3.4	F6,14	10:10
297	Nguyễn Thành Trung	25/07/91	CDN CGKL 10	3.8	F6,14	10:10
298	Nguyễn Văn Trường	14/08/91	CDN CGKL 10	1.6	F6,14	10:10
299	Nguyễn Quang Trường	11/06/90	CDN CGKL 10	2.6	F6,14	10:10
300	Trần Văn Tú	28/12/87	CDN CGKL 10	4.0	F6,14	10:10
301	Nguyễn Võ Thanh Tùng	29/02/88	CDN CGKL 10	2.0	F6,14	10:10
302	Nguyễn Hoài Việt	23/05/92	CDN CGKL 10	3.3	F6,14	10:10
303	Nguyễn Tuấn Vinh	28/07/83	CDN CGKL 10	3.6	F6,14	10:10
304	Nguyễn Tuấn Vũ	30/12/92	CDN CGKL 10	2.8	F6,14	10:10
305	Võ Văn Vũ	16/10/92	CDN CGKL 10	2.9	F6,14	10:10
306	Nguyễn Thanh Phúc	11/01/88	CDN DCN 08A	1.8	F6,14	10:10
307	Nguyễn Mạnh Sơn	23/09/88	CDN DCN 08A	2.1	F6,14	10:10
308	Nguyễn Thanh Tuyển	12/11/87	CDN DCN 08B	3.8	F6,14	10:10
309	Nguyễn Văn Nghị	23/06/90	CDN DCN 09A	5.0	F6,14	10:10
310	Đình Văn Toàn	06/04/90	CDN DCN 09B	6.3	F6,14	10:10
311	Lê Văn Chi	18/08/89	CDN DCN 10A	3.4	F6,14	10:10
312	Nguyễn Thành Hoàn	16/04/92	CDN DCN 10A	1.0	F6,14	10:10
313	Trần Đăng Ngọc	06/03/81	CDN DCN 10A	2.0	F6,14	10:10
314	Trần Bảo Quốc	15/03/91	CDN DCN 10A	3.5	F6,14	10:10
315	Nguyễn Hữu Đạo	14/07/92	CDN DCN 10B	6.0	F6,14	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3**

**Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
316	Trần Văn	Mạnh	15/06/88	CDN DCN 10B	4.0	F6,14	10:10
317	Vũ Hoàng Duy	Tân	08/04/91	CDN DCN 10B	3.1	F6,14	10:10
318	Trần Đăng	Thông	15/11/91	CDN DCN 10B	5.8	F6,14	10:10
319	Ngô Minh	Tuân	15/12/92	CDN DCN 10B	2.2	F6,14	10:10
320	Nguyễn Giang	Sơn	11/01/90	CDN HAN 08	3.0	F6,14	10:10
321	Đặng Hải	Đặng	02/11/83	CDN OTO 08A	1.1	F6,14	10:10
322	Võ Trung	Hiếu	05/01/92	CDN OTO 10A	6.2	F6,14	10:10
323	Nguyễn Tất	Tân	01/01/84	CDN OTO 10A	2.2	F6,14	10:10
324	Nguyễn Công	Đoàn	20/07/91	CDN SMT 09	5.0	F6,16	10:10
325	Đỗ Hải	Ngọc	01/01/88	TC CTCK 08D	2.2	F6,16	10:10
326	Nguyễn Văn	Du	03/07/92	TC CTCK 10A	3.0	F6,16	10:10
327	Huỳnh Lý	Đức	23/07/91	TC CTCK 10A	3.3	F6,16	10:10
328	Trần Trung	Dũng	26/06/90	TC CTCK 10A	2.6	F6,16	10:10
329	Võ Văn	Được	18/06/92	TC CTCK 10A	3.0	F6,16	10:10
330	Nguyễn Xuân	Dương	03/11/92	TC CTCK 10A	1.6	F6,16	10:10
331	Hoàng Khắc	Giang	12/10/92	TC CTCK 10A	1.0	F6,16	10:10
332	Nguyễn Hồng	Giang	04/06/91	TC CTCK 10A	3.7	F6,16	10:10
333	Nguyễn Tuấn	Hiệp	16/03/92	TC CTCK 10A	2.9	F6,16	10:10
334	Nguyễn Tuấn	Hùng	03/11/92	TC CTCK 10A	5.3	F6,16	10:10
335	Đoàn Nguyễn Quang	Huy	01/01/91	TC CTCK 10A	3.3	F6,16	10:10
336	Lê Trần Thúc	Kháng	17/12/92	TC CTCK 10A	2.0	F6,16	10:10
337	Đỗ Vương	Lộc	26/09/92	TC CTCK 10A	3.2	F6,16	10:10
338	Nguyễn Đắc	Lợi	12/07/92	TC CTCK 10A	5.7	F6,16	10:10
339	Trình Khoa	Nam	19/09/92	TC CTCK 10A	2.9	F6,16	10:10
340	Hồ Hoàng	Nghĩa	10/09/89	TC CTCK 10A	2.9	F6,16	10:10
341	Nguyễn Trọng	Nghĩa	19/08/91	TC CTCK 10A	4.0	F6,16	10:10
342	Hoàng Anh	Ngọc	11/11/87	TC CTCK 10A	3.0	F6,16	10:10
343	Đặng Quốc	Nguyện	02/03/91	TC CTCK 10A	3.5	F6,16	10:10
344	Nguyễn Quốc	Phi	20/09/92	TC CTCK 10A	2.5	F6,16	10:10
345	Phạm Tấn	Phong	18/12/92	TC CTCK 10A	2.4	F6,16	10:10
346	Trần Tấn	Phước	16/03/92	TC CTCK 10A	3.1	F6,16	10:10
347	Võ Đoàn	Quân	12/03/91	TC CTCK 10A	2.5	F6,16	10:10
348	Phạm Minh	Quyền	25/04/92	TC CTCK 10A	3.7	F6,16	10:10
349	Phan Thanh	Tân	16/09/92	TC CTCK 10A	2.8	F6,16	10:10
350	Đặng Châu	Thanh	13/10/92	TC CTCK 10A	3.3	F6,16	10:10
351	Tiêu Nhật	Thanh	14/10/91	TC CTCK 10A	3.6	F6,16	10:10
352	Lê Ngọc	Thế	26/10/92	TC CTCK 10A	2.3	F6,16	10:10
353	Nguyễn Phước	Thiện	06/02/89	TC CTCK 10A	3.9	F6,16	10:10
354	Nguyễn Hùng	Thức	21/08/92	TC CTCK 10A	5.0	F6,16	10:10
355	Kiều Quang	Tiến	14/08/90	TC CTCK 10A	2.8	F6,16	10:10
356	Nguyễn Việt	Tiến	15/06/92	TC CTCK 10A	3.9	F6,16	10:10
357	Nguyễn Ngọc	Toàn	25/11/92	TC CTCK 10A	2.8	F6,16	10:10
358	Lê Hoàng	Trọng	1992	TC CTCK 10A	3.9	F6,16	10:10
359	Nguyễn Minh	Tuyền	15/09/92	TC CTCK 10A	3.6	F6,16	10:10
360	Lâm Quang	Việt	17/07/91	TC CTCK 10A	3.2	F6,16	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3**

**Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

9 - A3

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
361	Nguyễn Vinh	16/11/91	TC CTCK 10A	5.0	F6,16	10:10
362	Trần Đình An	22/04/92	TC CTCK 10B	4.2	F6,16	10:10
363	Phan Trọng Chiến	08/07/91	TC CTCK 10B	3.5	F6,16	10:10
364	Nguyễn Tiến	02/07/91	TC CTCK 10B	3.9	F6,16	10:10
365	Lê Thừa An	16/03/92	TC CTCK 10C	2.4	F7,11	10:10
366	Nguyễn Vương Giới	02/10/92	TC CTCK 10C	2.8	F7,11	10:10
367	Nguyễn Trịnh Trung Hiếu	10/11/91	TC CTCK 10C	2.4	F7,11	10:10
368	La Đức Nguyên	09/05/92	TC CTCK 10C	2.6	F7,11	10:10
369	Phạm Trọng Nhân	28/05/92	TC CTCK 10C	2.4	F7,11	10:10
370	Lê Thanh Tâm	14/11/92	TC CTCK 10C	2.9	F7,11	10:10
371	Phạm Trung Tâm	10/09/91	TC CTCK 10C	2.3	F7,11	10:10
372	Lê Tấn Tin	28/07/92	TC CTCK 10C	2.6	F7,11	10:10
373	Huỳnh Hữu Trí	26/04/92	TC CTCK 10C	3.2	F7,11	10:10
374	Nguyễn Văn Trường	08/08/92	TC CTCK 10C	2.7	F7,11	10:10
375	Nguyễn Nhật Trường	30/05/91	TC DCN 09A	5.3	F7,11	10:10
376	Nguyễn Văn Thuận	19/10/90	TC DCN 09B	4.0	F7,11	10:10
377	Nguyễn Thái Bình	27/03/91	TC DCN 10A	4.3	F7,11	10:10
378	Phan Huỳnh Chấm	08/12/92	TC DCN 10A	3.5	F7,11	10:10
379	Phạm Tấn Đạt	06/07/90	TC DCN 10A	4.1	F7,11	10:10
380	Đặng Văn Đô	20/10/90	TC DCN 10A	2.3	F7,11	10:10
381	Nguyễn Hồng Hà	23/04/90	TC DCN 10A	1.5	F7,11	10:10
382	Phạm Hữu Hiệp	16/02/92	TC DCN 10A	3.3	F7,11	10:10
383	Lê Hồng Lực	29/07/91	TC DCN 10A	2.6	F7,11	10:10
384	Nguyễn Trọng Mạnh	23/06/92	TC DCN 10A	4.0	F7,11	10:10
385	Đặng Hoàng Minh	09/06/92	TC DCN 10A	2.5	F7,11	10:10
386	Võ Đức Minh	22/12/92	TC DCN 10A	1.0	F7,11	10:10
387	Vũ Văn Quý	29/03/92	TC DCN 10A	2.5	F7,11	10:10
388	Nguyễn Văn Rồi	24/12/90	TC DCN 10A	2.6	F7,11	10:10
389	Ngô Tấn Tài	29/05/88	TC DCN 10A	4.3	F7,11	10:10
390	Nguyễn Minh Tâm	20/04/90	TC DCN 10A	1.6	F7,11	10:10
391	Phạm Thanh Tâm	30/10/92	TC DCN 10A	2.6	F7,11	10:10
392	Trần Quang Thắng	07/12/92	TC DCN 10A	2.1	F7,11	10:10
393	Nguyễn Hữu Thành	19/11/92	TC DCN 10A	1.9	F7,11	10:10
394	Nguyễn Trọng Thịnh	20/04/91	TC DCN 10A	3.3	F7,11	10:10
395	Trương Trường Thọ	28/09/92	TC DCN 10A	4.0	F7,11	10:10
396	Nguyễn Hữu Tiền	20/05/92	TC DCN 10A	2.2	F7,11	10:10
397	Vũ Quang Minh Trụ	23/10/90	TC DCN 10A	3.4	F7,11	10:10
398	Trương Công Trứ	21/06/92	TC DCN 10A	4.3	F7,11	10:10
399	Phạm Hữu Trung	17/02/92	TC DCN 10A	3.4	F7,11	10:10
400	Trương Minh Trung	22/01/91	TC DCN 10A	3.9	F7,11	10:10
401	Lê Nhật Trường	13/06/92	TC DCN 10A	3.6	F7,11	10:10
402	Trần Minh Trường	07/06/91	TC DCN 10A	2.0	F7,11	10:10
403	Cao Trường Xuân	28/03/91	TC DCN 10A	5.0	F7,11	10:10
404	Nguyễn Văn Anh	16/01/86	TC DCN 10B	6.5	F7,12	10:10
405	Trần Hùng Cường	03/07/90	TC DCN 10B	2.3	F7,12	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3**

**Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

10 - A3

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
406	Nguyễn Tấn Đạt		02/06/92	TC DCN 10B	2.9	F7,12	10:10
407	Trần Minh Đê		11/02/92	TC DCN 10B	3.4	F7,12	10:10
408	Nguyễn Văn Đức		19/06/92	TC DCN 10B	3.7	F7,12	10:10
409	Nguyễn Văn Dương		22/04/91	TC DCN 10B	2.1	F7,12	10:10
410	Nguyễn Văn Họa		08/12/88	TC DCN 10B	2.4	F7,12	10:10
411	Đinh Mạnh Hùng		25/09/92	TC DCN 10B	3.7	F7,12	10:10
412	Lê Viết Hùng		12/02/92	TC DCN 10B	3.4	F7,12	10:10
413	Tô Thái Hưng		01/01/92	TC DCN 10B	2.9	F7,12	10:10
414	Huỳnh Anh Kiệt		18/06/92	TC DCN 10B	5.0	F7,12	10:10
415	Đào Tiến Lâm		17/03/91	TC DCN 10B	3.6	F7,12	10:10
416	Nguyễn Văn Duy Linh		07/01/92	TC DCN 10B	5.5	F7,12	10:10
417	Phùng Văn Minh		05/10/91	TC DCN 10B	1.6	F7,12	10:10
418	Lưu Văn Nam		11/03/92	TC DCN 10B	2.9	F7,12	10:10
419	Ngô Mạnh Nam		04/07/92	TC DCN 10B	1.3	F7,12	10:10
420	Nguyễn Hữu Nghị		06/02/92	TC DCN 10B	2.9	F7,12	10:10
421	Đặng Thái Sơn		02/05/91	TC DCN 10B	1.8	F7,12	10:10
422	Đoàn Thanh Sơn		07/06/87	TC DCN 10B	5.0	F7,12	10:10
423	Trần Kim Sơn		14/06/91	TC DCN 10B	2.4	F7,12	10:10
424	Huỳnh Thành Tâm		22/01/91	TC DCN 10B	1.9	F7,12	10:10
425	Võ Kim Tân		29/02/92	TC DCN 10B	5.0	F7,12	10:10
426	Lê Công Thiết		05/09/91	TC DCN 10B	1.9	F7,12	10:10
427	Vũ Văn Thông		10/06/91	TC DCN 10B	1.4	F7,12	10:10
428	Nguyễn Văn Thuận		08/08/91	TC DCN 10B	5.0	F7,12	10:10
429	Phạm Thanh Toán		15/08/88	TC DCN 10B	2.9	F7,12	10:10
430	Cao Tiến Trung		30/09/88	TC DCN 10B	1.7	F7,12	10:10
431	Nguyễn Văn Trung		01/07/91	TC DCN 10B	1.7	F7,12	10:10
432	Phạm Đức Trung		01/06/91	TC DCN 10B	2.5	F7,12	10:10
433	Phạm Văn Trung		10/05/89	TC DCN 10B	3.0	F7,12	10:10
434	Phan Văn Tứ		23/11/90	TC DCN 10B	3.5	F7,12	10:10
435	Nguyễn Văn Tuấn		10/11/92	TC DCN 10B	2.4	F7,12	10:10
436	Nguyễn Hoàng Việt		17/01/92	TC DCN 10B	3.0	F7,12	10:10
437	Lê Hoàng An		09/08/92	TC DCN 10C	3.5	F7,12	10:10
438	Nguyễn Hữu Cảnh		16/09/92	TC DCN 10C	3.2	F7,12	10:10
439	Phạm Hồng Điệp		15/05/91	TC DCN 10C	3.4	F7,12	10:10
440	Hoàng Văn Hậu		03/08/92	TC DCN 10C	1.9	F7,12	10:10
441	Phạm Minh Hậu		15/05/92	TC DCN 10C	2.0	F7,12	10:10
442	Nguyễn Minh Hòa		25/03/91	TC DCN 10C	2.1	F7,12	10:10
443	Nguyễn Thành Hưng		06/06/91	TC DCN 10C	2.4	F7,12	10:10
444	Hồ Phú Hữu		11/11/92	TC DCN 10C	2.7	F7,12	10:10
445	Ngô Văn Long		26/09/91	TC DCN 10C	2.4	F7,12	10:10
446	Nguyễn Thành Minh		10/07/91	TC DCN 10C	2.4	F7,12	10:10
447	Nguyễn Khắc Duy Phương		12/05/91	TC DCN 10C	3.8	F7,12	10:10
448	Nguyễn Văn Sơn		29/06/92	TC DCN 10C	2.2	F7,12	10:10
449	Nguyễn Trọng Tân		24/07/92	TC DCN 10C	3.9	F7,12	10:10
450	Phạm Vũ Anh Thi		10/04/92	TC DCN 10C	5.2	F7,12	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3**

**Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

11 - A3

STT	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
451	Phan Chánh	Thiện	27/09/92	TC DCN 10C	2.6	F7,12	10:10
452	Nguyễn Đại	Tín	06/04/91	TC DCN 10C	2.1	F7,13	10:10
453	Phạm Phương	Toàn	15/11/92	TC DCN 10C	3.9	F7,13	10:10
454	Võ Thanh	Truyền	10/05/90	TC DCN 10C	3.6	F7,13	10:10
455	Lê Thanh	Tú	25/10/92	TC DCN 10C	3.2	F7,13	10:10
456	Nguyễn Quốc	Vương	04/02/92	TC DCN 10C	2.6	F7,13	10:10
457	Đặng Văn	Huân	12/11/90	TC DCN 10D	2.8	F7,13	10:10
458	Mã Đức	Linh	27/08/92	TC DCN 10D	2.4	F7,13	10:10
459	Lượng Minh	Phụng	22/05/92	TC DCN 10D	4.0	F7,13	10:10
460	Nguyễn Vũ Thanh	Tùng	15/10/92	TC DCN 10D	2.3	F7,13	10:10
461	Trần Việt	Tùng	03/09/91	TC DCN 10D	5.0	F7,13	10:10
462	Võ Thành	Sơn	02/07/93	TC DCN 11D	4.3	F7,13	10:10
463	Trần Minh	Cảnh	25/02/92	TC DL 10B	2.5	F7,13	10:10
464	Lê Phạm Minh	Đặng	18/03/92	TC DL 10B	5.6	F7,13	10:10
465	Hoàng Minh	Hận	20/02/91	TC DL 10B	5.0	F7,13	10:10
466	Tiêu Văn	Hiệp	18/08/83	TC DL 10B	3.9	F7,13	10:10
467	Lê	Hùng	16/05/92	TC DL 10B	5.6	F7,13	10:10
468	Nguyễn Phước	Huyền	16/09/83	TC DL 10B	3.7	F7,13	10:10
469	Bùi Thanh Tuấn	Kha	17/12/92	TC DL 10B	5.0	F7,13	10:10
470	Nguyễn Vũ	Linh	18/08/92	TC DL 10B	3.5	F7,13	10:10
471	Nguyễn Hoàng	Nguyen	04/06/92	TC DL 10B	2.7	F7,13	10:10
472	Nguyễn Hoàng	Phương	26/01/92	TC DL 10B	3.4	F7,13	10:10
473	Hà Huy	Sinh	16/07/92	TC DL 10B	3.8	F7,13	10:10
474	Nguyễn Tấn	Tài	20/04/91	TC DL 10B	4.3	F7,13	10:10
475	Vũ Công	Thắng	05/05/92	TC DL 10B	2.4	F7,13	10:10
476	Trần Mạnh	Thiệp	26/10/89	TC DL 10B	5.0	F7,13	10:10
477	Nguyễn Hữu	Thông	14/12/92	TC DL 10B	1.6	F7,13	10:10
478	Nguyễn Minh	Tuấn	15/06/92	TC DL 10B	3.0	F7,13	10:10
479	Nguyễn Anh	Việt	23/08/92	TC DL 10B	2.3	F7,13	10:10
480	Trương Công	Định	27/07/90	TC DT 08D	3.1	F7,13	10:10
481	Trần Xuân	Lộc	07/01/90	TC DT 08D	3.6	F7,13	10:10
482	Đặng Quốc	Khánh	03/05/90	TC DT 09A	3.0	F7,13	10:10
483	Gian Du	Minh	30/10/91	TC DT 09A	3.2	F7,13	10:10
484	Lục Thủy	Tuyền	18/03/90	TC DT 09A	2.7	F7,13	10:10
485	Võ Thái	An	24/01/92	TC DT 10A	5.0	F7,13	10:10
486	Nguyễn Thế	Công	10/11/91	TC DT 10A	2.3	F7,13	10:10
487	Lê Văn Quốc	Cường	22/07/92	TC DT 10A	2.3	F7,13	10:10
488	Trần Hải	Đặng	23/10/91	TC DT 10A	2.0	F7,13	10:10
489	Nguyễn Văn	Hiếu	16/08/91	TC DT 10A	2.4	F7,13	10:10
490	Vũ Văn	Hoà	07/10/91	TC DT 10A	2.9	F7,13	10:10
491	Nguyễn Bá	Hưng	23/01/92	TC DT 10A	3.3	F7,13	10:10
492	Nguyễn Ngọc	Hưng	14/11/92	TC DT 10A	3.6	F7,13	10:10
493	Bùi Kim	Huy	13/11/92	TC DT 10A	5.2	F7,13	10:10
494	Nguyễn Hoàng	Huy	26/10/91	TC DT 10A	2.6	F7,13	10:10
495	Huỳnh Bảo	Khánh	16/01/90	TC DT 10A	2.7	F7,13	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3****Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

12 - A3

<b>STT</b>	<b>HỌ TÊN</b>		<b>NGÀY SINH</b>	<b>LỚP</b>	<b>ĐIỂM</b>	<b>PHÒNG</b>	<b>TGIAN</b>
496	Lê Văn	Khánh	10/12/92	TC DT 10A	2.4	F7,14	10:10
497	Huỳnh Thanh	Khoa	08/08/92	TC DT 10A	3.1	F7,14	10:10
498	Đồng Tuấn	Kiệt	07/02/91	TC DT 10A	1.9	F7,14	10:10
499	Trương Phước	Linh	24/05/91	TC DT 10A	2.0	F7,14	10:10
500	Trần Văn	Linh	25/05/92	TC DT 10A	3.4	F7,14	10:10
501	Nguyễn Ngọc	Long	08/05/91	TC DT 10A	2.5	F7,14	10:10
502	Phan Văn	Phước	01/11/92	TC DT 10A	3.1	F7,14	10:10
503	Nguyễn Trọng	Quý	02/01/92	TC DT 10A	4.5	F7,14	10:10
504	Nguyễn Thanh	Tâm	20/06/92	TC DT 10A	1.5	F7,14	10:10
505	Nguyễn Anh	Tây	10/10/89	TC DT 10A	4.2	F7,14	10:10
506	Bùi Văn	Thành	11/08/92	TC DT 10A	2.9	F7,14	10:10
507	Phạm Văn	Thảo	27/03/92	TC DT 10A	1.5	F7,14	10:10
508	Lê Phúc	Thọ	14/12/91	TC DT 10A	3.3	F7,14	10:10
509	Trần Quốc	Toản	04/10/92	TC DT 10A	4.1	F7,14	10:10
510	Bùi Minh	Tú	03/04/92	TC DT 10A	3.4	F7,14	10:10
511	Tổng Quốc	Vĩnh	05/10/82	TC DT 10B	3.9	F7,14	10:10
512	Nguyễn Minh	Vương	19/01/89	TC OTO 08A	2.5	F7,14	10:10
513	Đặng Văn	Đại	29/05/91	TC OTO 09A	3.6	F7,14	10:10
514	Nguyễn Anh	Khoa	09/07/90	TC OTO 09A	3.8	F7,14	10:10
515	Trần Đăng	Lực	11/12/90	TC OTO 09A	2.1	F7,14	10:10
516	Võ Xuân	Linh	06/06/92	TC OTO 10A	1.9	F7,14	10:10
517	Nguyễn Hồng	Sơn	02/02/90	TC OTO 10A	3.4	F7,14	10:10
518	Huỳnh Trường	An	16/12/92	TC OTO 10B	3.5	F7,14	10:10
519	Vũ Đình	Bách	20/08/90	TC OTO 10B	3.6	F7,14	10:10
520	Đàm Thế	Buôn	22/04/91	TC OTO 10B	4.1	F7,14	10:10
521	Thạch Giang	Đông	13/05/91	TC OTO 10B	2.5	F7,14	10:10
522	Cao Trí	Dũng	11/06/91	TC OTO 10B	3.9	F7,14	10:10
523	Phan Văn Tiến	Dũng	17/03/92	TC OTO 10B	1.8	F7,14	10:10
524	Võ Thanh	Hải	30/01/90	TC OTO 10B	4.0	F7,14	10:10
525	Trương Minh	Hiển	20/11/92	TC OTO 10B	3.0	F7,14	10:10
526	Huỳnh Hiệp Quốc	Hoàng	13/12/90	TC OTO 10B	4.3	F7,14	10:10
527	Lê Nhật	Huy	08/04/91	TC OTO 10B	2.7	F7,14	10:10
528	Lê Sơn	Huỳnh	10/09/92	TC OTO 10B	3.4	F7,14	10:10
529	Huỳnh Trung	Kiên	04/01/92	TC OTO 10B	5.4	F7,14	10:10
530	Nguyễn Quang	Kính	11/01/90	TC OTO 10B	5.3	F7,14	10:10
531	Trương Vĩnh	Lương	05/08/90	TC OTO 10B	1.4	F7,14	10:10
532	Đặng Hữu	Phát	22/09/92	TC OTO 10B	2.7	F7,14	10:10
533	Ngô Minh	Phát	27/10/91	TC OTO 10B	3.5	F7,14	10:10
534	Huỳnh Văn	Phúc	07/10/92	TC OTO 10B	3.6	F7,14	10:10
535	Nguyễn Phương	Phước	21/08/91	TC OTO 10B	2.3	F7,14	10:10
536	Nguyễn Đình	Tâm	15/08/91	TC OTO 10B	4.5	F7,14	10:10
537	Nguyễn Quốc	Thiện	11/10/92	TC OTO 10B	2.5	F7,14	10:10
538	Vương Minh	Thơ	25/05/92	TC OTO 10B	1.7	F7,14	10:10
539	Trần Hoàng	Trọng	24/08/92	TC OTO 10B	2.4	F7,14	10:10
540	Trương Thanh	Tú	08/08/91	TC OTO 10B	1.6	F7,16	10:10

**DANH SÁCH KẾT QUẢ THI AVCB A3****Sáng Chủ Nhật 25/12/2011**

13 - A3

STT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	ĐIỂM	PHÒNG	TGIAN
541	Nguyễn Minh Tuấn	30/05/92	TC OTO 10B	4.3	F7,16	10:10
542	Nguyễn Thanh Vinh	16/10/81	TC OTO 10B	1.9	F7,16	10:10
543	Trần Anh Vũ	10/10/92	TC OTO 10B	2.7	F7,16	10:10
544	Võ Công An	17/07/92	TC OTO 10C	1.4	F7,16	10:10
545	Nguyễn Công Tạo	27/09/91	TC OTO 10C	2.9	F7,16	10:10
546	Dương Công Minh	13/04/92	TC OTO 10D	3.1	F7,16	10:10
547	Phạm Tuấn Tài	23/05/90	TC OTO 10D	3.3	F7,16	10:10
548	Huỳnh Chí Tâm	13/10/92	TC OTO 10D	3.0	F7,16	10:10
549	Huỳnh Thiện Tín	20/04/90	TC OTO 10D	3.5	F7,16	10:10
550	Nguyễn Quốc Bảo	19/05/92	TC OTO 10E	2.8	F7,16	10:10
551	Nguyễn Hòa Bình	14/07/89	TC OTO 10E	2.1	F7,16	10:10
552	Nguyễn Quốc Dũng	16/08/92	TC OTO 10E	1.9	F7,16	10:10
553	Cao Chí Hiệp	14/06/91	TC OTO 10E	3.1	F7,16	10:10
554	Cao Khắc Khánh	06/08/90	TC OTO 10E	2.0	F7,16	10:10
555	Nguyễn Khắc Kim	31/10/87	TC OTO 10E	1.9	F7,16	10:10
556	Nguyễn Văn Lạc	01/02/92	TC OTO 10E	3.6	F7,16	10:10
557	Nguyễn Hữu Lộc	26/02/91	TC OTO 10E	2.2	F7,16	10:10
558	Trần Khắc Minh	07/11/89	TC OTO 10E	2.4	F7,16	10:10
559	Nguyễn Thanh Nhựt	10/10/91	TC OTO 10E	3.5	F7,16	10:10
560	Phan Lâm Phúc	16/07/92	TC OTO 10E	1.7	F7,16	10:10
561	Lê Văn Quý	02/01/92	TC OTO 10E	1.6	F7,16	10:10
562	Hà Đình Sơn	09/03/91	TC OTO 10E	2.5	F7,16	10:10
563	Kiều Xuân Tú	14/04/90	TC OTO 10E	4.0	F7,16	10:10
564	Trịnh Minh Huy	27/01/93	TC OTO 11C	4.1	F7,16	10:10
565	Nguyễn Minh Nhựt	04/07/93	TC SCCK 11	2.6	F7,16	10:10
566	Nguyễn Thanh Sang	10/05/93	TC SCCK 11	2.6	F7,16	10:10
567	Ngô Tấn Thành	16/09/90	TC TH 09C	3.5	F7,16	10:10
568	Đặng Văn Trí	12/10/91	TC TH 09C	2.8	F7,16	10:10
569	Võ Phước Trung	01/03/92	TC TH 10A	3.3	F7,16	10:10
570	Huỳnh Bách Lộc	07/09/92	TC TH 10B	5.4	F7,16	10:10
571	Dương Đình Tiến	12/03/92	TC TH 10B	6.1	F7,16	10:10
572	Trần Hoàng Vũ	16/06/92	TC TH 10B	3.6	F7,16	10:10
573	Mai Hoàng Tâm	04/12/92	TC TH 10C	4.5	F7,16	10:10
574	Nguyễn Đức Thắng	25/01/91	TC TH 11C	3.1	F7,16	10:10